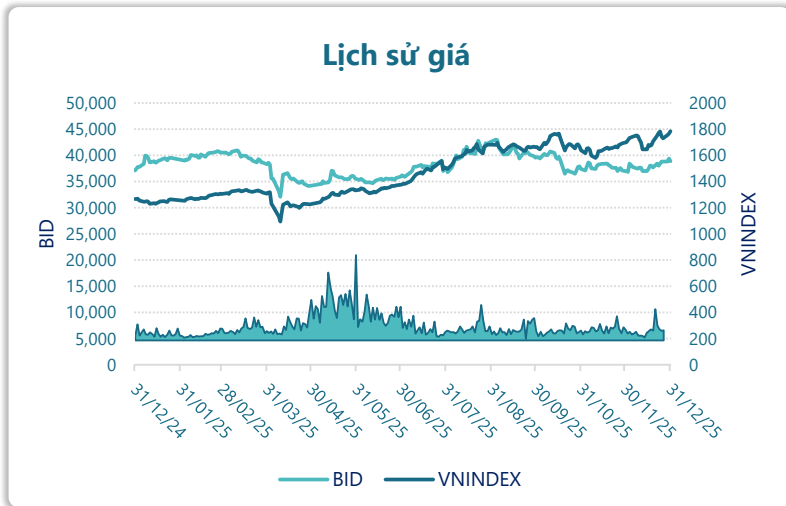




Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HSX: BID)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	38,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,021
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,093
SL cổ phiếu LH	7,021,361,917
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,299,438
% sở hữu nước ngoài	17.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	273,131
P/E	9.1
EPS	4,267

DT thuần

Q4/25

-24,550

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,278 | -5.5%

YoY: ▼3,719 | -17.9%

LN sau thuế

Q4/25

2.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.79 | -63.5%

YoY: ▲4.30 | 204%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

24.3%

+/- YoY: ▼1.6%

DT thuần

2025

-91,698

tỷ VNĐ

YoY: ▼11,417 | -14.2%

LN sau thuế

2025

13.8

tỷ VNĐ

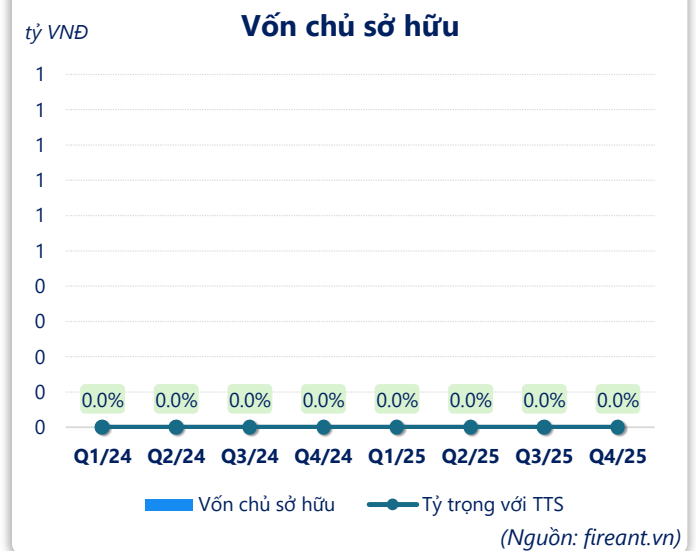
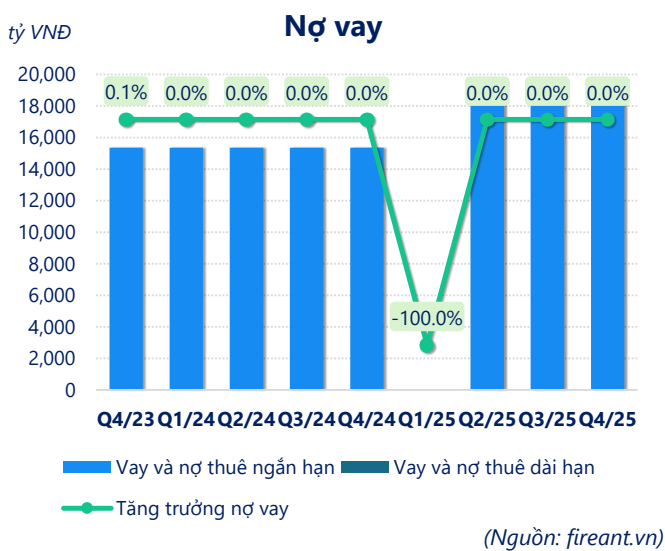
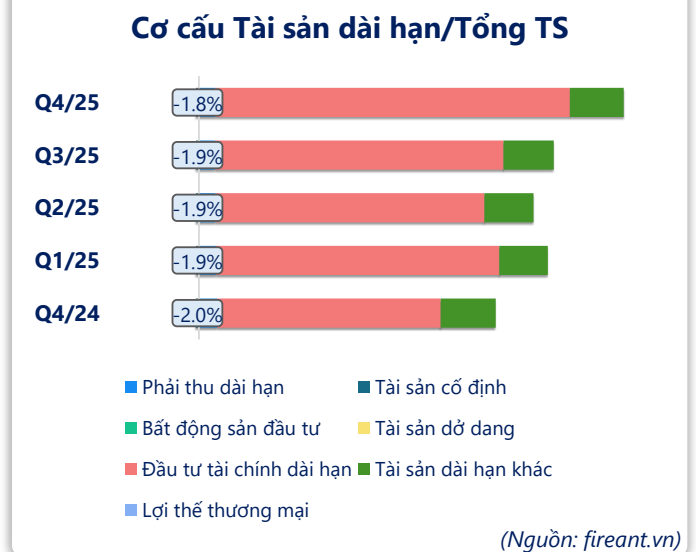
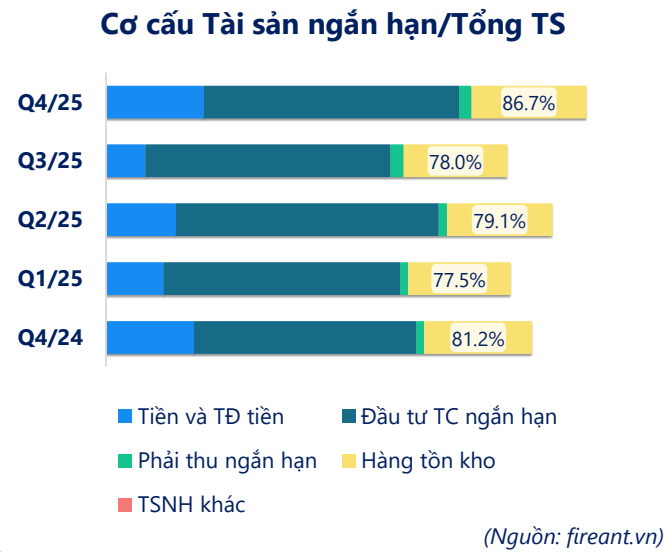
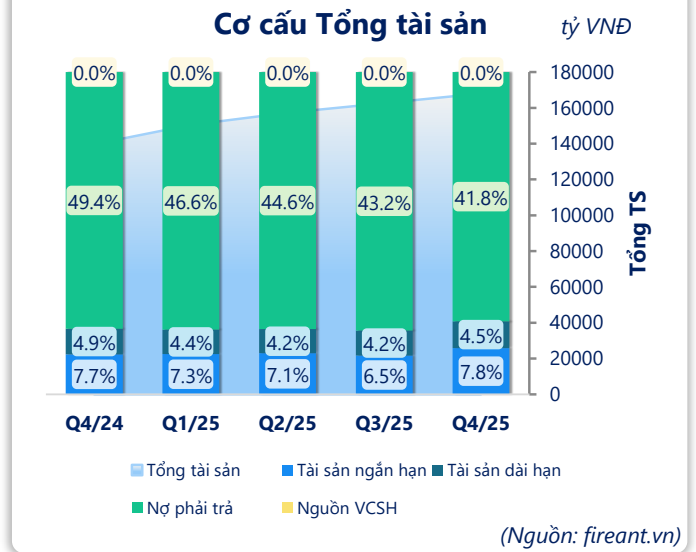
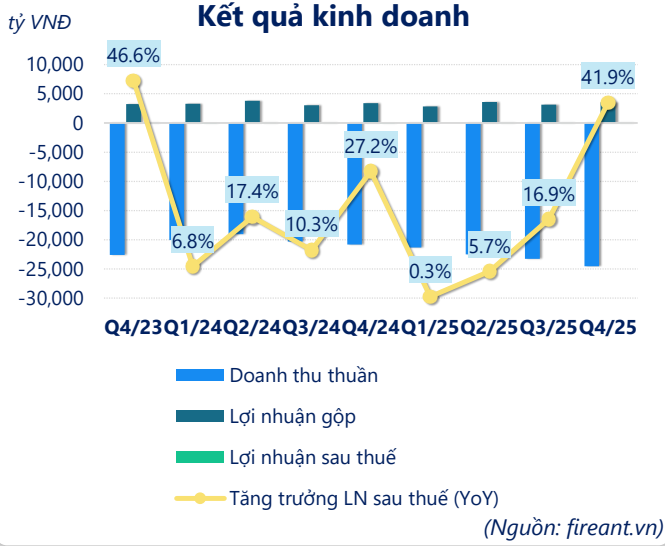
YoY: ▲10.0 | 264%

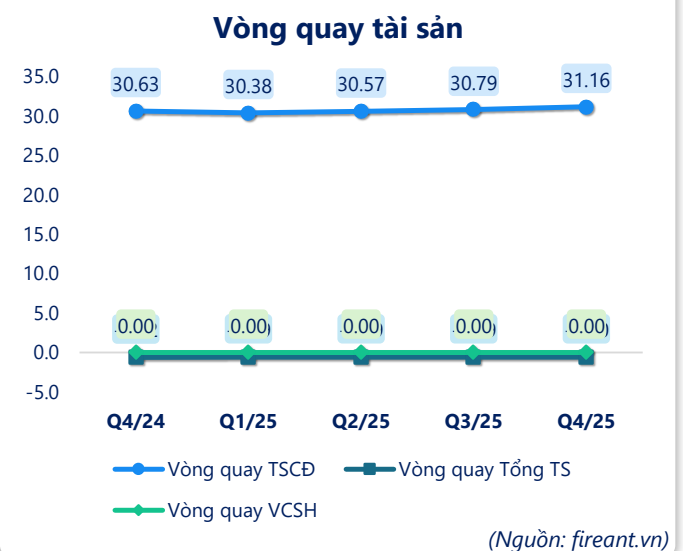
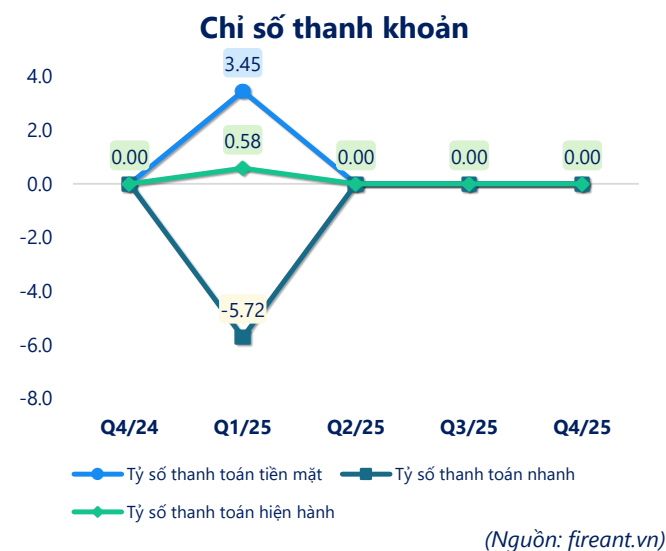
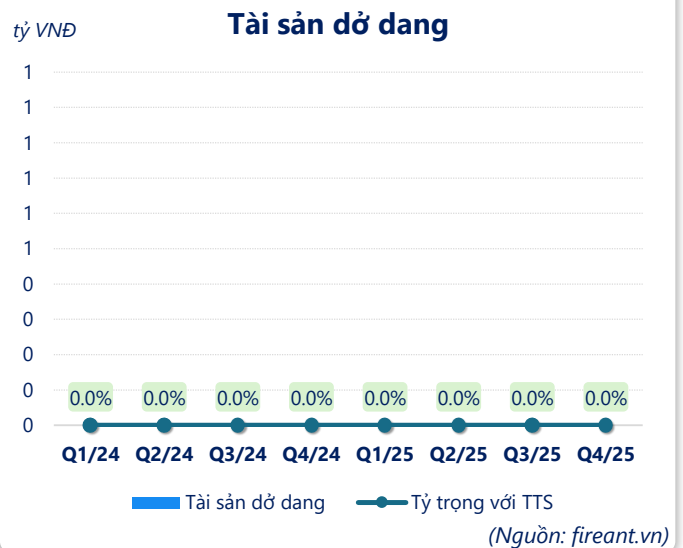
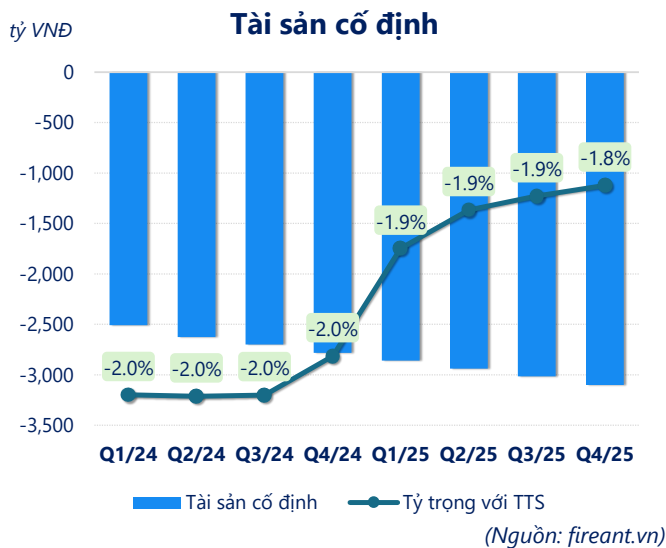
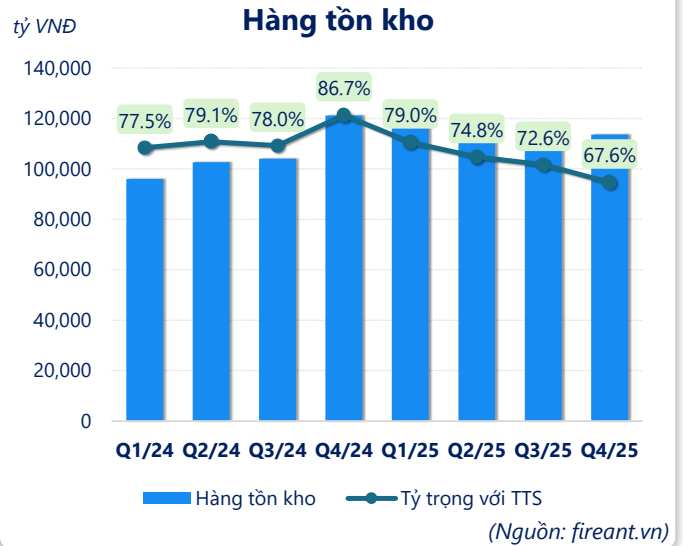
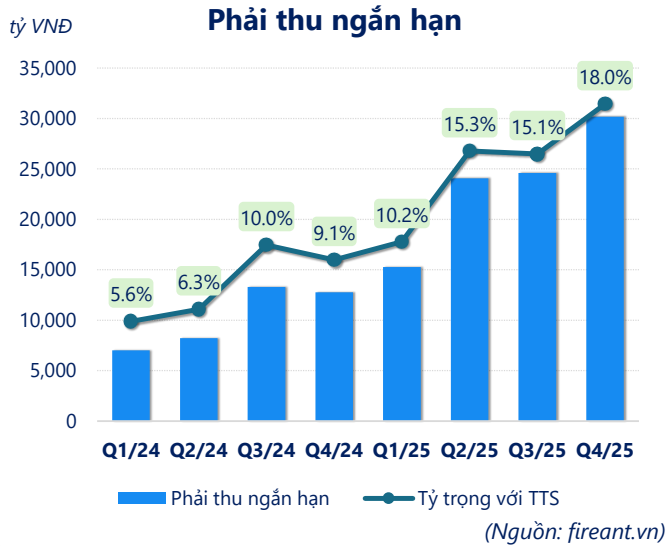
ROE

2025

#VALUE!

#VALUE!





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	139,749	150,550	157,362	162,550	168,045
Tài sản ngắn hạn	10,773	10,981	11,227	10,524	13,075
Tiền và tương đương tiền	92,341	65,200	82,654	48,303	123,630
Đầu tư tài chính ngắn hạn	268,366	333,399	381,763	439,480	443,326
Phải thu ngắn hạn	12,773	15,286	24,070	24,608	30,184
Hàng tồn kho	121,120	118,900	117,778	118,045	113,629
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	6,844	6,636	6,583	6,844	7,541
Phải thu dài hạn	16,745	16,813	16,994	17,046	17,866
Tài sản cố định	-2,783	-2,860	-2,938	-3,016	-3,103
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	205,611	280,870	278,836	308,828	392,249
Tài sản dài hạn khác	50,533	48,034	50,767	53,668	59,820
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	68,975	70,214	70,214	70,214	70,214
Nợ ngắn hạn	0	18,876	0	0	0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15,361	0	18,876	18,876	18,876
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)